

Số:374/BC- CTK

Điện Biên, ngày 24 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Thế giới đang trong thời kỳ nhiều biến động, phức tạp và bất ổn. Lạm phát đã ở các nước mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn. Sự bất ổn của một số ngân hàng ở Mỹ, châu Âu ảnh hưởng đến niềm tin của người dân trên thế giới đối với hệ thống ngân hàng trong khi các ngân hàng Trung ương tiếp tục tăng lãi suất và sử dụng chính sách thắt chặt tiền tệ hơn nữa. Đồng thời, xung đột giữa Nga và U-crai-na kéo dài... Tại thời điểm tháng 6/2023 đa số các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 tăng nhẹ so với dự báo từ đầu năm nhưng vẫn thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng năm 2022. Ngân hàng Thế giới (WB) nhận định tăng trưởng toàn cầu sẽ chậm lại ở mức 2,1% trong năm 2023, điều chỉnh tăng 0,4 điểm phần trăm so với dự báo đầu năm 2023. Trong Báo cáo Triển vọng kinh tế tháng 6/2023, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 đạt 2,7%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 3/2023. Báo cáo tình hình và triển vọng kinh tế thế giới giữa năm 2023 của Liên hợp quốc (UNDESA) dự báo kinh tế toàn cầu tăng trưởng 2,3% năm 2023, tăng 0,4 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 01/2023. Tuy nhiên, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2023, đạt 2,8%, thấp hơn 0,1 điểm phần trăm so với dự báo tháng 01/2023.

Trong nước, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ, ngành, địa phương quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực đột phá để phát triển kinh tế theo mục tiêu đã đề ra. Kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023 của nước ta đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hầu hết các ngành, lĩnh vực có xu hướng phục hồi và tăng trưởng.

Trên địa bàn tỉnh Điện Biên, bên cạnh những khó khăn chung, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh cũng có nhiều các yếu tố gây bất lợi như: Ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi, rét hại, mưa đá cục bộ tại một số địa phương, ... gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh cũng như đời sống của Nhân dân trong tỉnh. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh thực hiện nghiêm túc, linh hoạt Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về

nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023 vào tình hình thực tế tại địa phương, đồng thời chỉ đạo quyết liệt các ngành, địa phương tập trung thực hiện ngay từ những ngày đầu, tháng đầu của năm 2023. Nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Kết quả đạt được của các ngành, lĩnh vực trong 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên như sau:

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên (GRDP) ước quý II năm 2023 theo giá so sánh năm 2010 đạt 3.856,43 tỷ đồng, tăng 7,29% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản đạt 895,85 tỷ đồng, tăng 2,07%, đóng góp 23,23% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 835,56 tỷ đồng, tăng 17,87%, đóng góp 21,67%; khu vực dịch vụ đạt 1.980,64 tỷ đồng, tăng 5,71%, đóng góp 51,36%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 144,39 tỷ đồng, tăng 7,46%, đóng góp 3,74%. Theo giá hiện hành đạt 7.231,43 tỷ đồng, tăng 11,86% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1.632,78 tỷ đồng, tăng 4,12%; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 1.483,86 tỷ đồng, tăng 22,63%; khu vực dịch vụ đạt 3.844,39 tỷ đồng, tăng 11,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 270,41 tỷ đồng, tăng 11,88%.

Về cơ cấu nền kinh tế quý II năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 22,58%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 20,52%; khu vực dịch vụ chiếm 53,16%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,74% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2022 là 24,25%; 18,72%; 53,29%; 3,74%).

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên 6 tháng đầu năm 2023 theo giá so sánh năm 2010 đạt 6.792,13 tỷ đồng tăng 7,06%. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1.180,4 tỷ đồng, tăng 1,84%, đóng góp 17,38%; khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 1.520,53 tỷ đồng, tăng 15,31%, đóng góp 22,39%; khu vực dịch vụ đạt 3.806,88 tỷ đồng, tăng 5,72%, đóng góp 56,05%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 284,32 tỷ đồng, tăng 6,98%, đóng góp 4,19%.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, sản lượng các loại cây hàng năm ổn định và đạt khá, ngành chăn nuôi phát triển ổn định, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng khá. Trong đó, ngành nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 tăng 1,67% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,27 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,98%, đóng góp 0,06

điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 1,98% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,01 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 tăng 5,55% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,45 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,52%, đóng góp 0,34 điểm phần trăm. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,15%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm. Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải tăng 2,66%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 17,11% làm giảm 0,1 điểm phần trăm trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành xây dựng là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 21,51%, đóng góp 2,73 điểm phần trăm.

Khu vực dịch vụ 6 tháng đầu năm 2023 tăng 5,72% so với cùng kỳ năm trước. Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 16,58% so với cùng kỳ năm trước, là ngành có đóng góp lớn nhất vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế với 0,82 điểm phần trăm; Hoạt động của ĐCS, tổ chức CT-XH, QLNN, ANQP tăng 7,31%, đóng góp 0,78 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,27%, đóng góp 0,3 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,64%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 6,02%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 9,44%, đóng góp 0,22 điểm phần trăm.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên 6 tháng đầu năm 2023 theo giá hiện hành đạt 12.794,15 tỷ đồng, tăng 12,21% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2.175,67 tỷ đồng, tăng 2,91%; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 2.718,18 tỷ đồng, tăng 22,36%; khu vực dịch vụ đạt 7.382,78 tỷ đồng, tăng 11,76%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 535,52 tỷ đồng, tăng 12,13%.

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 16,86%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 21,25%; khu vực dịch vụ chiếm 57,70%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,19%. (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2022 là 18,38%; 19,48%; 57,94%; 4,19%).

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp Sáu tháng đầu năm 2023 tập trung chủ yếu vào sản xuất vụ đông và đông xuân. Chăn nuôi phát triển ổn định, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm đã được hạn chế. Sản xuất lâm nghiệp tập trung chăm sóc và bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng. Nuôi trồng và khai thác thủy sản được duy trì phát triển tốt.

2.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

* Tháng 6 năm 2023:

Thu hoạch lúa đông xuân: Tính đến trung tuần tháng Sáu toàn tỉnh thu hoạch được 8.238,30 ha, giảm 8,43% so với cùng kỳ năm trước; năng suất đã thu hoạch đạt 61,31 tạ/ha; ước sản lượng đã thu hoạch 50.509,45 tấn. Diện tích, sản lượng thu hoạch lúa giảm so cùng kỳ năm trước do lượng nước tưới năm 2023 không đủ, bà con tiến hành gieo cấy muộn làm ảnh hưởng đến tiến độ thu hoạch lúa.

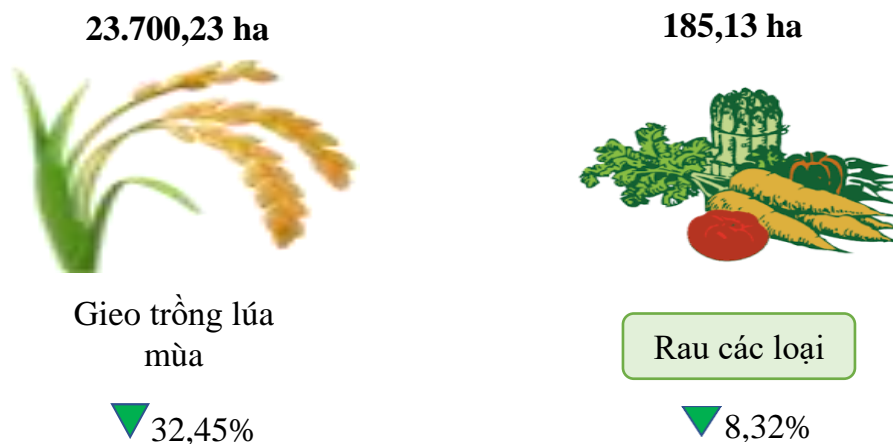
Cây hàng năm: Tính đến ngày 15/6 toàn tỉnh đã gieo trồng được 23.885,36 ha cây hoa màu các loại, giảm 32,32% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

Lúa mùa: Toàn tỉnh gieo cấy được 23.700,23 ha lúa, giảm 32,45% so với cùng kỳ năm trước; diện tích lúa nương gieo trồng được 23.283,83 ha, giảm 13,34% so với cùng kỳ năm trước.

Các loại cây hoa màu khác: Rau các loại gieo trồng được 185,13 ha, giảm 8,32%.

Đến thời điểm báo cáo tiến độ gieo trồng các loại cây màu lương thực vụ Mùa đều giảm so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân : (1) Tiến độ làm đất, gieo trồng vụ Xuân muộn ; (2) lượng nước tưới cho hoa màu chưa cung cấp đủ ; (3) thời tiết trong tháng diễn biến phức tạp.

**Hình 1: Diện tích gieo trồng một số cây hàng năm
(tính đến trung tuần tháng Sáu)**



Tình hình sâu, bệnh hại trên cây trồng: Tổng diện tích nhiễm sinh vật gây hại trong tháng 3.135,4 ha, giảm 1.472,10 ha so với cùng kỳ năm trước; diện tích phòng trừ 1.505,5 ha, trong đó: Cây lúa đông xuân 2022 – 2023: Diện tích nhiễm 1.669,20 ha, giảm 938,90 ha; diện tích phòng trừ 840,5 ha; Các cây trồng khác: Cà phê 509,0 ha; cây ăn quả 573,5 ha; cây rừng (thông, keo, tre luồng) 261,0 ha,

ngô 122,7 ha. Các địa phương tích cực thực hiện các biện pháp kỹ thuật kiểm tra, phát hiện và phun thuốc phòng trừ kịp thời ngăn chặn không để sâu, bệnh hại cây trồng lây lan ra diện rộng.

** Ước quý II và 6 tháng đầu năm 2023*

Cây hàng năm: Sáu tháng đầu năm 2023 toàn tỉnh đạt khá về sản lượng và giá trị; cơ cấu cây trồng tiếp tục được chuyển dịch theo hướng tích cực, mở rộng diện tích cây sắn, cây rau các loại có giá trị kinh tế cao, dễ tiêu thụ; cây ngô vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng diện tích gieo trồng.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh đã gieo trồng được 75.397,36 ha¹, giảm 13,02% cây hàng năm các loại, trong đó:

- Lúa đông xuân, toàn tỉnh gieo trồng được 9.913,68 ha, tăng 1,41%², đạt 102,35% kế hoạch. Năng suất sơ bộ đạt 61,33 tạ/ha; sản lượng sơ bộ đạt 60.797,87 tấn, tăng 3,15%.

- Cây ngô gieo trồng được 22.955,63 ha, giảm 6,02%³. Năng suất sơ bộ đạt 29,46 tạ/ha; sản lượng đạt 67.627,19 tấn, giảm 5,12%.

- Cây lấy củ có chất bột gieo trồng được 14.048,93 ha, tăng 11,33%. Nhóm cây chất bột tăng chủ yếu là cây sắn, khoai tây. Trong đó: Cây sắn sơ bộ trồng được 12.707,44 ha, tăng 17,26% ha⁴, Sản lượng sơ bộ thu được 122.360,12 tấn, tăng 15,95%, một số địa phương tiếp tục đưa giống mới có năng suất cao vào thực hiện trồng, làm tăng năng suất, sản lượng sắn.

- Cây lấy sợi diện tích trồng được 49,74 ha, giảm 7,24%⁵; toàn bộ diện tích cây lấy sợi được trồng tại 02 nhóm cây là cây gai 45,74 ha và cây bông được trồng tại huyện Tủa Chùa 4,00 ha; sản lượng sơ bộ thu được 25,98 tấn.

- Cây có hạt chứa dầu trồng được 905,81 ha, trong đó: Cây đậu tương trồng được 249,60 ha, giảm 25,20%; sản lượng sơ bộ 301,71 tấn, giảm 27,77%; Cây lạc trồng được 656,21 ha, giảm 8,63%; sản lượng sơ bộ 822,41 tấn, giảm 9,40%.

¹ Diện tích gieo trồng ước 6 tháng gồm: Vụ Đông xuân 51.512,00 ha; Vụ Mùa 23.885,36 ha.

² Nguyên nhân tăng diện tích lúa: Do được đầu tư xây dựng mới, sửa chữa một số kênh mương đưa vào tưới tiêu tạo điều kiện cho các địa phương gieo cấy trên những chân ruộng hai vụ. Tuy nhiên, có 2 huyện là huyện Mường Chà và Tủa Chùa do nguồn nước tưới tiêu không đảm bảo, riêng huyện Mường Chà cho hợp tác xã thuê lại đất ruộng chuyên đổi sang trồng rau các loại nên diện tích gieo cấy chỉ đạt 96,88% kế hoạch.

³ Nguyên nhân giảm diện tích ngô: Do chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang trồng cây Mắc ca tại huyện Tuần Giáo giảm 774,00 ha; mặt khác tại huyện Điện Biên Đông diện tích giảm 465,00 ha do sản phẩm sản xuất ra không có thị trường tiêu thụ, giá bán thấp bà con nông dân chuyển sang gieo trồng cây hàng năm khác như sắn, rau các loại phù hợp với nhu cầu người dân.

⁴ Nguyên nhân tăng diện tích: Do chuyển đổi từ trồng ngô, đậu tương, dong giềng sang trồng sắn. Mặt khác, năng suất, sản lượng sắn cao, được giá bán, thương lái về tận nơi thu mua và không bị ép giá.

⁵ Diện tích cây lấy sợi giảm chủ yếu tại huyện Tuần Giáo (6,50 ha cây gai).

- Cây rau, đậu và hoa các loại: Gieo trồng được 3.230,24 ha, tăng 1,88%, trong đó: Rau các loại trồng được 3.107,86 ha (vụ Đông 1.086,57 ha, vụ Xuân 1.836,16 ha, vụ Mùa 185,13 ha); sản lượng thu hoạch được 53.963,67 tấn, tăng 2,81%; Đậu các loại trồng được 122,38 ha, giảm 1,87%, diện tích đậu các loại giảm chủ yếu tại huyện Tủa Chùa do được chuyển sang trồng rau các loại, một số diện tích được chuyển sang trồng sắn; sản lượng thu hoạch được 191,83 tấn, giảm 2,70%.

Cây lâu năm: Tổng diện tích hiện có 16.975,48 ha, tăng 6,57%. Diện tích cây ăn quả chiếm 48,21% tổng diện tích cây lâu năm. Dự ước trong 6 tháng đầu năm 2023 sản lượng thu hoạch một số loại cây ăn quả chủ yếu như sau: Cây xoài diện tích hiện có 737,07 ha⁶, tăng 7,99%; sản lượng ước đạt 725,30 tấn, tăng 1,42%; Cây chuối diện tích hiện có 321,33 ha, tăng 0,42%; sản lượng ước đạt 3.466,43 tấn, giảm 0,05%; Cây dứa diện tích hiện có 482,42 ha⁷, tăng 1,48%; sản lượng ước thu được 2.460,60 tấn, tăng 2,06%; cây bưởi diện tích hiện có 343,68 ha, tăng 9,98%, chiếm tỷ trọng 80,54%, diện tích tăng chủ yếu tại huyện Điện Biên do dự án phát triển sản xuất cây ăn quả tập trung của tỉnh đã hỗ trợ cây giống (da xanh, diễm) và phân bón cho bà con; ước sản lượng thu hoạch 160,14 tấn; nhóm táo mận và các loại quả còn lại 873,45 ha, tăng 4,44 %, chiếm 10,67% nhóm cây ăn quả.

- Cây Mắc ca diện tích hiện có 4.787,41 ha (chiếm tỷ trọng 58,50% so với tổng diện tích cây ăn quả), tăng 15,66%; cây mắc ca hiện đang được tỉnh chú trọng quan tâm, khuyến khích đầu tư phát triển trên nền đất lâm nghiệp. Ước 6 tháng đầu năm 2023 chưa cho sản phẩm thu hoạch;

- Cây cao su diện tích hiện có 5.010,03 ha, giảm 0,22 %. Diện tích khai thác 4.449,39 ha; ước sản lượng đạt 1.365,14 tấn, tăng 7,57%.

- Cây cà phê diện tích hiện có 2.639,30 ha, tăng 6,58%. Ước 6 tháng đầu năm 2023 chưa cho sản phẩm thu hoạch;

- Cây chè diện tích hiện có 630,31 ha, giảm 0,10 ha, sản lượng thu hoạch đạt 41,05 tấn, giảm 4,87%. Trong đó cây chè búp: Diện tích hiện có 612,89 ha, giảm 0,16%, sản lượng thu hoạch 38,69 tấn, đạt 94,78%.

b) Chăn nuôi

⁶ Diện tích trồng xoài chiếm tỷ trọng lớn ở một số địa phương trong tỉnh như Tuần Giáo (250,98 ha), Mường Ảng (141,00 ha), Điện Biên (83,30 ha), Tủa Chùa (56,16 ha). Diện tích xoài tăng trồng mới từ cuối năm 2022.

⁷ Hiện nay cây dứa đang được ưu tiên phát triển ở các huyện vùng cao trong toàn tỉnh do phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, năng suất và hiệu quả kinh tế cao nên người dân tiếp tục trồng mới dứa đặc biệt tại huyện Mường Chà (319 ha)

Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh phát triển tương đối ổn định. Đàn trâu, đàn bò vẫn luôn được trú trọng phát triển, các chính sách ưu tiên hỗ trợ về giống và đầu tư chuồng trại vẫn tiếp tục được quan tâm giúp các hộ chăn nuôi phát triển sản xuất.

Biểu 1: Số lượng đầu con gia súc, gia cầm tháng 6 năm 2023

Chỉ tiêu	Chính thức cùng kỳ năm trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ (%)
1. Gia súc (con)			
Trâu	135.381	136.663	0,95
Bò	95.573	98.447	3,01
Lợn	304.263	310.423	2,02
2. Gia cầm (1000 con)	4.650,51	4.691,47	0,88
Trong đó: Gà	3.569,83	3.596,30	0,74

Số con và sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong trong 6 tháng đầu năm 2023 đều tăng do: (1) Nhu cầu tiêu thụ của người dân; (2) Trong 6 tháng đầu năm diễn ra nhiều hoạt động lớn: Tết Nguyên đán 2023, Lễ hội Hoa Ban năm 2023 và Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Điện Biên lần thứ VII...; (3) nhu cầu xuất thịt đi các tỉnh dưới xuôi tăng; (4) giá thịt hơi xuất chuồng ổn định. Ở chiều ngược lại, sản lượng thịt ngựa giảm mạnh do thịt ngựa không được ưa chuộng trên thị trường.

Biểu 2: Một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu quý II, 6 tháng năm 2023

	Ước tính quý II năm 2023	Cộng dồn 6 tháng năm 2023	So cùng kỳ năm trước (%)	
			Quý II/2023	6 tháng/2023
Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (tấn)				
Thịt lợn	3.300,12	6.735,56	104,28	104,35
Thịt trâu	681,81	1.438,71	102,89	103,76
Thịt bò	603,31	1.222,96	105,05	105,42
Thịt gia cầm	1.271,89	2.528,18	105,14	103,05
Trứng (nghìn quả)	19.631,74	40.799,11	99,77	100,51

Tình hình thiệt hại do dịch bệnh trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm:

Theo báo cáo của Chi cục Thú y tỉnh Điện Biên, từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/6/2023 xuất hiện một số bệnh rải rác trên địa bàn tỉnh làm: 07 con lợn chết (02 con chết do dịch tả lợn Châu Phi; 05 con chết do bệnh Tụ huyết trùng); 14 con trâu,

bò chết (13 con trâu, bò chết do bệnh nhiệt thán xảy ra tại huyện Tủa Chùa; 01 con trâu chết do bệnh ngoại ký sinh trùng). Tiêm phòng dịch bệnh được 24.363 liều vắc xin Tụ huyết trùng cho trâu, bò; 1.710 liều vắc xin Nhiệt thán cho trâu (bò); 25.750 liều vắc xin Dịch tả cho lợn cổ điển và 5.956 liều vắc xin bệnh dại chó; kiểm dịch vận chuyển được 2.122 con lợn và 382 kg thịt trâu, bò; kiểm soát giết mổ được 385 con trâu, bò và 4.820 con lợn.

Số lượng gia súc bị chết và tiêu huỷ trong 6 tháng là 45 con trâu, 31 con bò; 92 con lợn (chết do Dịch tả lợn Châu Phi 58 con); tiêm phòng dịch bệnh được 24.363 liều vắc xin Tụ huyết trùng cho trâu, bò; 1.710 liều vắc xin Nhiệt thán cho trâu (bò); 25.750 liều vắc xin Dịch tả cho lợn cổ điển và 5.956 liều vắc xin bệnh dại chó; công tác kiểm soát giết mổ được 2.111 con trâu, bò và 26.455 con lợn.

2.2. Lâm nghiệp

Trong tháng xảy ra 01 vụ cháy rừng với diện tích bị cháy 0,63 ha tại huyện Mường Chà; 29 vụ phá rừng tại 6/10 huyện, thị xã, thành phố với diện tích phá là 9,42 ha; khai thác rừng trái phép, vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng, vận chuyển lâm sản trái pháp luật, tàng trữ, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, chế biến lâm sản trái pháp luật 12 vụ. Cơ quan chức năng thu giữ 9,470 m³ gỗ các loại. Tổng số tiền thu nộp ngân sách 308,76 triệu đồng. Cộng dồn 6 tháng đầu năm 2023 toàn tỉnh đã xảy ra 271 vụ vi phạm các quy định về QLBR, trong đó: Phá rừng trái phép 180 vụ, diện tích rừng bị phá 82,87 ha, tăng 42,28 ha so với cùng kỳ năm trước; cháy rừng 7 vụ làm thiệt hại 2,95 ha rừng; khai thác rừng trái phép 8 vụ (giảm 11 vụ); vi phạm về mua bán, vận chuyển cất giữ lâm sản trái phép, ... 76 vụ (tăng 18 vụ), cơ quan chức năng đã tịch thu 70,2 m³ gỗ các loại (tăng 22,22 m³). Tổng số tiền thu nộp ngân sách 1.151,61 triệu đồng (tăng 479,94 triệu đồng).

Dự ước 6 tháng đầu năm 2023: Diện tích rừng trồng mới chưa triển khai thực hiện; diện tích rừng trồng được chăm sóc 626,11 ha, giảm 10,90% so với cùng kỳ năm trước; diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh 17.818,22 ha, tăng 4,25%; Cây lâm nghiệp phân tán trồng được 5,93 nghìn cây, chủ yếu được người dân huyện Điện Biên, huyện Nậm Pồ, Mường Chà và huyện Tủa Chùa trồng trong vườn cũng như các mảnh nương có diện tích nhỏ đã bạc màu nhằm phục vụ nhu cầu gia đình về gỗ và củi. Ươm giống cây lâm nghiệp được 1.791,18 nghìn cây, giảm 4,76%. Giao khoán bảo vệ rừng 216.541 ha, tăng 2,49%.

Sản lượng gỗ dự ước khai thác trong tháng được 990 m³ gỗ, giảm 4,62% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; củi khai thác được 70.635 ste, giảm 0,60%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 5.981 m³, giảm 5,17%; sản lượng củi khai thác đạt 404.408 ste, giảm 0,60%.

2.3. Thủy sản

Nuôi trồng và khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh được duy trì phát triển tốt, dự ước toàn tỉnh có 2.740,98 ha ao, hồ nuôi trồng thủy sản, tăng 0,48% so với cùng kỳ năm trước (nuôi cá 2.739,48 ha). Mô hình nuôi cá lồng trên các hồ chứa nước, mô hình nuôi cá bể bồn tại xã Tênh Phong, huyện Tuần Giáo với 2.205 m³ cá hồi, giảm sâu so với năm 2022⁸. Tổng số lượng lồng bè hiện có trên địa bàn tỉnh là 306 lồng với tổng thể tích 45.404 m³.

Sản lượng thủy sản tháng 6/2023 ước đạt 383,70 tấn, tăng 3,55% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản quý II/2023 ước đạt 1.163,02 tấn, tăng 3,52% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 1.124,81 tấn, tăng 3,7%; tôm đạt 9,25 tấn, giảm 2,94%; thủy sản khác đạt 28,96 tấn, giảm 1,09%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng thủy sản ước đạt 2.314,75 tấn, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 2.240,91 tấn, tăng 3,67%; tôm đạt 21,60 tấn, giảm 1,68%; thủy sản khác đạt 52,24 tấn, giảm 1,06%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong tháng ước tính đạt 363,95 tấn, tăng 3,7% so với thực hiện cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 358,6 tấn, tăng 3,76%; tôm đạt 0,95 tấn, tăng 1,06%; thủy sản khác 4,4 tấn, ở định so với cùng kỳ. Sản lượng thủy sản nuôi trồng quý II/2023 ước đạt 1.096,83 tấn, tăng 3,72% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 1.081,51 tấn, tăng 3,77%; tôm đạt 3 tấn, tăng 1,01%; thủy sản khác đạt 12,32 tấn, tăng 0,33%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước tính đạt 2.174,85 tấn, tăng 3,73% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 2.146,43 tấn, tăng 3,77%; tôm đạt 6,77 tấn, tăng 0,89%; thủy sản khác đạt 21,65 tấn, tăng 0,51%.

Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng dự ước đạt 19,75 tấn, tăng 0,92% so với thực hiện cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 12,65 tấn, tăng 2,93%; tôm đạt 1,42 tấn, giảm 4,05%. Sản lượng thủy khai thác quý II/2023 ước đạt 66,19 nghìn tấn, tăng 0,29% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 43,3 tấn, tăng 2,03%; tôm đạt 6,25 tấn, giảm 4,73%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng thủy sản khai thác ước tính đạt 139,9 tấn, tăng 0,05% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 94,48 tấn, tăng 1,25%; tôm đạt 14,83 tấn, giảm 2,82%.

3. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trong quý II/2023 tăng trưởng chưa cao, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ước đạt 5,53% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng

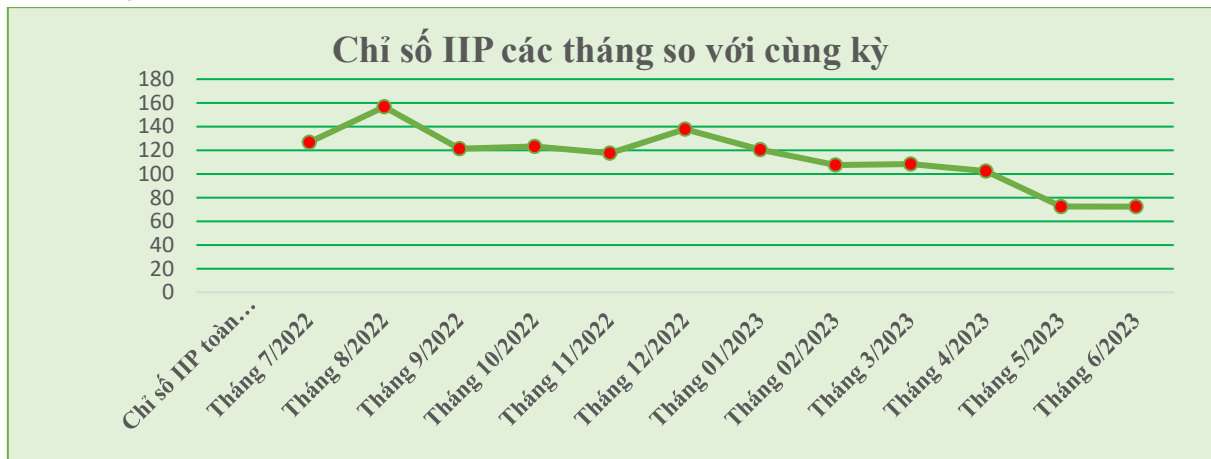
⁸ Nguyên nhân do huyện Tuần Giáo đã chuyển đổi phần lớn sang nuôi cá tầm (năm 2022 diện tích 9.000 m³)

đầu năm 2023, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 5,55% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,52%.

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 ước tính tăng 5,55% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 5,57%; quý II tăng 5,53%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,52% (quý I tăng 8,57%; quý II tăng 12,53%), đóng góp 0,34 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,15%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,66%, đóng góp 0,01 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 17,11%, làm giảm 0,1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 6/2023 ước tăng 16,2% so với tháng trước và giảm 27,49% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngành khai khoáng giảm 0,67% và tăng 6,8%⁹; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,89% và tăng 21,17%¹⁰; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 83,01% và giảm 63,35%¹¹; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải tăng 0,63% và giảm 0,1%.

Quý II năm 2023, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính giảm 19,57% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp khai khoáng giảm 1,75%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 16,66%; sản xuất và phân phối điện giảm 58,83%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,35%.



⁹. Khai thác than tăng 60,98%; ngành khai thác quặng kim loại tăng 13,51%; khai khoáng khác tăng 3,47%.

¹⁰. Một số ngành có tốc độ tăng khá như ngành sản xuất và chế biến thực phẩm tăng 19,84%; ngành sản xuất đồ uống tăng 29,18%; chế biến và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 21,60%; sản xuất than cốc tăng 63,64%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 36,28%. Nguyên nhân các ngành trên tăng do cùng kỳ năm trước ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19, các cơ sở sản xuất công nghiệp hoạt động cầm chừng. Năm nay nhiều công trình dự án lớn đang thi công trên địa bàn thành phố, nhu cầu tiêu thụ lương thực thực phẩm và đồ uống tăng cao để phục vụ cho công nhân trong các công trường xây dựng.

¹¹. Dự tính trong tháng 6 thời tiết mưa nhiều hơn tháng trước, lưu lượng nước ở các hồ chứa sẽ tăng trở lại, vì vậy sản lượng điện tăng cao so tháng trước.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 chỉ số sản xuất công nghiệp giảm 9,02% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành khai khoáng giảm 11,38%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,95%; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 41,65%; ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,76%.

Chỉ số sản xuất 6 tháng đầu năm 2023 của một số ngành công nghiệp cấp II giảm sâu so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất điện giảm 41,65%; khai khoáng khác giảm 13,15%; sản xuất trang phục giảm 11,65%. Ở chiều ngược lại, chỉ số sản xuất công nghiệp của một số ngành tăng cao: Sản xuất hoá chất và các sản phẩm hoá chất tăng 85,02%; sản xuất đồ uống tăng 22,77%; khai thác quặng kim loại tăng 18,23%; sản xuất than cốc tăng 17,98%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 15,99%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 11,76%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 11,56%; chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế) tăng 10,59%.

Một số sản phẩm công nghiệp trong 6 tháng năm 2023 giảm sâu so với cùng kỳ năm trước: Điện sản xuất giảm 45,15%; phẩm in khác (quy khổ 13cm x19cm) giảm 24,82%; đá xây dựng giảm 14,2%. Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Giường bằng gỗ các loại tăng 43,01%; than cốc và bán cốc luyện từ than đá tăng 17,98%; xi măng Portland đen tăng 16,07%; bàn bằng gỗ các loại tăng 14,59%; thiết bị dùng cho dàn giáo, ván khuôn, vật chống hoặc trụ cột chống hầm lò bằng sắt, thép, nhôm tăng 12,8%;...

Biểu 3. Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP 6 tháng đầu năm các năm 2019-2023 so với cùng kỳ năm trước (%).

	2019	2020	2021	2022	2023
TỔNG SỐ	6,79	-2,93	4,66	12,7	-9,02
Khai khoáng	2,62	-0,07	5,16	12,96	-11,38
Công nghiệp chế biến, chế tạo	7,93	0,85	5,45	3,19	12,95
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	5,71	-14,77	2,22	40,83	-41,65
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	4,8	8,13	4,86	5,26	1,76

Nhìn chung 6 tháng đầu năm 2023, sản xuất công nghiệp có mức tăng trưởng chưa cao, ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh còn phụ thuộc nhiều vào thời tiết,

6 tháng đầu năm 2023 lượng mưa rất ít, nắng nóng kéo dài ảnh hưởng trực tiếp đến ngành sản xuất thủy điện nên chỉ số sản xuất chung toàn ngành công nghiệp giảm sâu so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/6/2023 giảm 57,51 % so với tháng trước và giảm 81,37% so với cùng thời điểm năm trước.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 6/2023 giảm 2,83% so với tháng trước và tăng 54,52% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,68% so với cùng kỳ năm 2022.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/6/2023 tăng 0,11% so với tháng trước, trong đó: Lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước ổn định; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,18%. So với tháng cùng kỳ năm trước giảm 2,39%, trong đó: Lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 5,71%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước ổn định. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 0,26% (khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 6,0%, khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 4,0%).

4. Xây dựng

Kết quả hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên 6 tháng đầu năm 2023 tập trung chủ yếu ở các công trình trọng điểm, được các cơ quan, đơn vị phối hợp chặt chẽ, thực hiện đẩy nhanh tiến độ thi công dự án. Các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công trình/hạng mục công trình để nghiệm thu bàn giao, thanh toán, các đơn vị nhà thầu huy động nguồn lực một cách tối đa đã góp phần làm tăng giá trị sản xuất xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh.

Ngành xây dựng là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng giá trị tăng thêm toàn ngành 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 21,54% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 17,29%; quý II tăng 24,83%), đóng góp 2,73 điểm phần trăm.

Giá trị sản xuất xây dựng theo giá hiện hành quý II năm 2023 ước đạt 2.894,67 tỷ đồng, tăng 36,78% so với quý trước và tăng 23,33% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 giá trị sản xuất xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên quý II năm 2023 ước đạt 5.010,93 tỷ đồng, tăng 21,71% so với cùng kỳ năm trước.

Chia theo loại hình sở hữu: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 2.867,44 tỷ

đồng (chiếm 57,22%), tăng 32,06%¹²; các loại hình khác bao gồm xây dựng của các xã, phường, thị trấn; hoạt động của các đội xây dựng cá thể và xây dựng tự làm, tự ở của các hộ gia đình đạt 2.143,48 tỷ đồng (chiếm 42,78%), tăng 10,15%.

Chia theo loại công trình: Công trình nhà ở đạt 2.104,94 tỷ đồng (chiếm 42,01%), tăng 8,7%. Công trình nhà không để ở đạt 951,91 tỷ đồng (chiếm 19%), tăng 26,85%. Công trình kỹ thuật dân dụng đạt 1.846,52 tỷ đồng (chiếm 36,85%), tăng 40,53%. Hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 107,36 tỷ đồng (chiếm 2,14%), giảm 7,8%.

5. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

a) Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Dự tính 6 tháng đầu năm toàn tỉnh có 70 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 7,69% so với cùng kỳ, tổng số vốn đăng ký trên 660 tỷ đồng và bằng 70,44% so với số vốn đăng ký của các doanh nghiệp cùng kỳ năm trước. Có 73 doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh, tăng 30,36% so với cùng kỳ; giải thể tự nguyện 10 doanh nghiệp. Dự ước số doanh nghiệp đăng ký mới thực tế đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 là 20 doanh nghiệp, chiếm khoảng 28,57% số doanh nghiệp thành lập mới và sử dụng khoảng 110 lao động chủ yếu ở lĩnh vực xây dựng, thương mại và tư vấn xây dựng; có 4 doanh nghiệp khôi phục mã số thuế quay lại hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kinh tế tập thể tiếp tục được khuyến khích phát triển, dự ước 6 tháng đầu năm thành lập mới 19 hợp tác xã với tổng số vốn điều lệ 62,31 tỷ đồng, đạt 86,4% kế hoạch năm 2023; không có HTX giải thể; 04 HTX ngừng hoạt động.

b) Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý II/2023 cho thấy: Có 59,09% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn so với quý I/2023; 40,91% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và không có doanh nghiệp nào đánh giá gặp khó khăn. Dự kiến quý III/2023, không có doanh nghiệp đánh giá

¹². Nguyên nhân do các công trình dự án trọng điểm như: Cảng Hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; dự án đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12; Nâng cấp đường Đông Điện Biên (ĐT 147) huyện Điện Biên; Xây dựng cầu Thanh Bình thành phố Điện Biên Phủ; Cải tạo, nâng cấp ĐT 143 Noong Bua-Pú Nhi-Noong U-Na Son (đoạn Nà Nghè-Pú Nhi-Noong U-Na Son) huyện Điện Biên Đông; ... là những dự án trọng điểm của tỉnh Điện Biên, đang được các nhà thầu tăng cường nhân công triển khai đồng loạt các hạng mục, tăng ca làm thêm... Các cơ quan, đơn vị phối hợp chặt chẽ, thực hiện đầy nhanh tiến độ thi công dự án vừa đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, vệ sinh môi trường, làm tốt công tác đền bù, tái định cư, phòng chống tham nhũng tiêu cực, đảm bảo các công trình hoàn thành đúng tiến độ không để đội vốn.

xu hướng sẽ tốt lên so với quý II/2023; 95,45% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định và 4,55% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn. Trong đó, khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước với 100% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý III/2023 giữ ổn định so với quý II/2023; khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh có 95,24% sẽ ổn định và 4,76% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn.

6. Thương mại, dịch vụ, vận tải

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Hoạt động thương mại và dịch vụ tháng Sáu tương đối ổn định với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 2,31% so với tháng trước và tăng 40,11% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 38,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó quý I tăng 36,27% và quý II tăng 40,86%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Sáu năm 2023 ước tính đạt 1.696,79 tỷ đồng, tăng 2,31% so với tháng trước, tăng 40,11% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý II/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 4.977,35 tỷ đồng, tăng 7,17% so với quý trước và tăng 40,86% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 9.621,59 tỷ đồng, tăng 38,60% so với cùng kỳ năm trước.

Biểu 4. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Ước tính tháng 6 năm 2023	Ước tính quý II năm 2023	Ước tính 6 tháng năm 2023	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)		
				Tháng 6 năm 2023	Quý II năm 2023	6 tháng năm 2023
Tổng số	1.696,79	4.977,35	9.621,59	40,11	40,86	38,60
Bán lẻ hàng hóa	1.549,73	4.543,85	8.775,18	41,07	41,64	38,96
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	73,61	216,15	419,27	39,06	40,66	41,99
Du lịch lữ hành	0,12	0,35	0,68	47,48	50,83	65,40
Dịch vụ khác	73,33	217,00	426,46	23,32	26,33	28,70

* Bán lẻ hàng hoá

Xét theo ngành hoạt động trong tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 6, quý II và 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

Biểu 5: Doanh thu bán lẻ hàng hóa (phân theo ngành hoạt động)*Tỷ đồng*

	Ước tính	Ước tính	Ước tính	Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)		
	tháng 6	quý II	6 tháng	Tháng 6	Quý II	6 tháng
	2023	2023	2023	2023	2023	2023
TỔNG SỐ	1.549,73	4.543,85	8.775,18	41,07	41,64	38,96
Lương thực, thực phẩm	574,86	1.685,71	3.258,87	44,04	45,09	43,12
Hàng may mặc	86,44	253,58	489,92	42,65	43,18	40,97
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	163,95	484,64	944,19	33,70	35,57	33,31
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	22,16	65,19	126,58	42,10	42,96	42,78
Gỗ và vật liệu xây dựng	238,04	696,26	1.343,94	35,35	34,57	29,94
Ô tô các loại	6,19	18,18	35,04	43,55	41,97	37,81
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	127,12	371,20	710,15	37,43	35,42	30,90
Xăng, dầu các loại	184,92	542,10	1.045,14	43,16	44,34	42,80
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	11,02	32,26	61,98	51,08	52,86	51,68
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	6,19	18,08	34,74	48,52	48,86	46,85
Hàng hóa khác	63,20	184,56	354,67	52,68	52,39	50,20
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	65,65	192,09	369,96	42,90	45,86	43,14

** Dịch vụ lưu trú và ăn uống*

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 6/2023 ước đạt 73,61 tỷ đồng, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 39,06% so với cùng kỳ năm trước. Quý II năm 2023 đạt 216,16 tỷ đồng, tăng 6,42 so với quý I/2023 và tăng 40,66% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 đạt 419,27 tỷ đồng, tăng 41,99% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Dịch vụ lưu trú đạt 46,77 tỷ đồng, tăng 100,73%; dịch vụ ăn uống đạt 373 tỷ đồng, tăng 36,95%.

** Dịch vụ khác*

Doanh thu một số ngành dịch vụ khác tháng 6/2023 ước tính đạt 73,33 tỷ đồng, tăng 1,41% so với tháng trước, tăng 23,32% so với cùng kỳ năm trước. Quý II năm 2023 đạt 217 tỷ đồng, tăng 3,6% so với quý I/2023 và tăng 26,33% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 đạt 426,46 tỷ đồng, tăng 28,70% so với cùng kỳ năm trước.

b) Hoạt động Vận tải

Hoạt động vận tải trong tháng Sáu duy trì đà tăng trưởng tích cực cả về vận tải hành khách và hàng hóa, trong đó: vận chuyển hành khách tăng 78,47% và luân chuyển hành khách tăng 73,57% so với cùng kỳ năm trước; vận chuyển hàng hóa tăng 75,26% và luân chuyển hàng hóa tăng 72,87%. Quý II năm 2023, vận chuyển hành khách tăng 95,57% so với cùng kỳ năm trước, luân chuyển hành khách tăng 90,46% và vận chuyển hàng hóa tăng 78,95%, luân chuyển hàng hóa tăng 76,24%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, vận chuyển hành khách tăng 125,84% so với cùng kỳ năm trước, luân chuyển hành khách tăng 120,62% và vận chuyển hàng hóa tăng 82,56%, luân chuyển hàng hóa tăng 79,44%.

Tổng doanh thu của hoạt động vận tải, kho bãi ước thực hiện tháng 6/2023 đạt 144,96 tỷ đồng, tăng 0,79% so với tháng trước và tăng 72,52% so với cùng kỳ năm trước; quý II năm 2023 ước đạt 431,92 tỷ đồng, tăng 78,88% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, ước đạt 853,33 tỷ đồng, tăng 88,02% so cùng kỳ năm trước. Bao gồm: Vận tải hành khách ước đạt 169,69 tỷ đồng, tăng 128,67%; vận tải hàng hóa ước đạt 677,84 tỷ đồng, tăng 81,15%; hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 5,8 tỷ đồng, tăng 6,5%.

Vận tải hành khách tháng 6/2023 ước đạt 264,9 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng 1,38% so với tháng trước, tăng 78,47% so với cùng kỳ năm trước; luân chuyển 40,8 triệu HK.km, tăng 1,74% và tăng 73,57%; quý II năm 2023, vận tải hành khách ước đạt 784,71 nghìn hành khách vận chuyển, tăng 95,57% so với cùng kỳ năm trước; luân chuyển 120,39 triệu HK.km, tăng 90,46%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, vận tải hành khách ước đạt 1.540,32 nghìn hành khách vận chuyển, tăng 125,84% so với cùng kỳ năm trước; luân chuyển 235,27 triệu HK.km, tăng 120,62%.

Biểu 6. Vận tải hành khách 6 tháng đầu năm 2023 phân theo ngành vận tải

	Số lượt hành khách		Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Nghìn HK)	Luân chuyển (Triệu HK.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	1.540,32	235,27	125,84	120,62
Đường thủy nội địa	0,222	0,007	53,82	49,12
Đường bộ	1.540,097	235,267	125,85	120,62

Vận tải hàng hóa tháng 6/2023 ước đạt 754,04 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 0,58% so với tháng trước và tăng 75,26% so với cùng kỳ năm trước;

luân chuyển 34,27 triệu tấn.km, tăng 0,61% so với tháng trước và tăng 72,87% so với cùng kỳ năm trước; quý II năm 2023, vận tải hàng hóa đạt 2.249,85 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 78,95% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 102,19 triệu tấn.km, tăng 76,24%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 vận tải hàng hóa đạt 4.436,15 nghìn tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 82,56% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 201,12 triệu tấn.km, tăng 79,44%.

Biểu 7. Vận tải hàng hoá 6 tháng đầu năm 2023 phân theo ngành vận tải

	Khối lượng hàng hóa		Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Nghìn tấn)	Luân chuyển (Triệu tấn.km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	4.436,15	201,12	82,56	79,44
Đường thủy nội địa	0,288	0,008	42,52	42,23
Đường bộ	4.435,86	201,11	82,56	79,44

* *Vận tải hàng không*: Việc tạm dừng đóng cửa sân bay Điện Biên từ 0h ngày 15/4/2023 đến hết ngày 17/12/2023 để phục vụ thi công các hạng mục của Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên đã làm giảm doanh thu dịch vụ Cảng hàng không Điện Biên và số lượt khách cũng như số lượng hàng hóa bốc xếp thông qua Cảng hàng không 6 tháng đầu năm 2023.

Doanh thu dịch vụ của Cảng hàng không Điện Biên 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 3.741,93 triệu đồng, giảm 26,41% so với cùng kỳ năm trước. Số lượt khách thông qua Cảng hàng không ước tính đạt 39.488 hành khách (chiều khách đi 19.407 hành khách, chiều khách đến 20.441 hành khách), so với cùng kỳ năm trước số lượt khách giảm 50,42% (chiều khách đi giảm 52,05%, chiều khách đến giảm 48,79%). Số lượng hàng hóa bốc xếp qua Cảng hàng không ước đạt 1,86 tấn, giảm 67,6% so với cùng kỳ năm trước.

c) Bưu chính viễn thông

Dịch vụ bưu chính viễn thông tiếp tục đà tăng trưởng; cơ sở hạ tầng được mở rộng; chất lượng dịch vụ có nhiều đổi mới, đa dạng, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu thị trường.

Tổng doanh thu dịch vụ bưu chính viễn thông ước quý II/2023 đạt 235,77 tỷ đồng, giảm 0,38% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, doanh thu hoạt động viễn thông ước đạt 470,83 tỷ đồng, tăng 0,2% so với cùng kỳ

năm trước (bưu chính, chuyển phát đạt 89,5 tỷ đồng, tăng 21,59%; viễn thông, internet đạt 381,33 tỷ đồng, giảm 3,77%).

Số thuê bao điện thoại ước (có đến cuối kỳ báo cáo) đạt 548.551 thuê bao (thuê bao cố định đạt 5.971 thuê bao; thuê bao di động đạt 542.580 thuê bao), so với năm trước giảm 1,41% (thuê bao cố định giảm 8,81%; thuê bao di động giảm 1,33%); số thuê bao internet ước (có đến cuối kỳ báo cáo) đạt 60.420 thuê bao so với cùng kỳ năm trước tăng 14,98%.

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT

1. Hoạt động ngân hàng

Ngành ngân hàng đã bám sát chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Trung ương trong thực hiện quản lý hoạt động tài chính, tiền tệ trên địa bàn đảm bảo chặt chẽ, đúng định hướng; ưu tiên tập trung cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, các dự án trọng điểm của tỉnh; kịp thời thực hiện các yêu cầu, giải pháp theo chỉ đạo để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân.

Huy động vốn: Tổng nguồn vốn tín dụng ước thực hiện đến 30/6/2023 là 17.300 tỷ đồng, tăng 8,97% so với 31/12/2022 và tăng 16,70% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: Tiền gửi tiết kiệm là 15.300 tỷ đồng, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm 2022 và tăng 12,82% so với 31/12/2022; chiếm 88,44%/tổng nguồn vốn huy động tại địa phương. Nguồn vốn tăng chủ yếu ở tiền gửi tiết kiệm, đặc biệt là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 12 tháng. Các ngân hàng trên địa bàn tiếp tục tuyên truyền và áp dụng nhiều hình thức huy động vốn khác nhau, linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường.

Hoạt động tín dụng: Tổng dư nợ tín dụng ước thực hiện đến 30/6/2023 là 20.625 tỷ đồng, tăng 4,66% so với cùng kỳ năm 2022 và tăng 1,19% so với 31/12/2022. Trong đó: dư nợ cho vay ngắn hạn là 8.250 tỷ đồng, tăng 4,84% và tăng 1,38%, chiếm 40% tổng dư nợ; dư nợ cho vay trung, dài hạn là 12.735 tỷ đồng, tăng 4,55% và tăng 1,06%, chiếm 60% tổng dư nợ.

Nợ xấu của các NHTM, NHCSXH ước thực hiện đến ngày 30/6/2023 là 390 tỷ đồng, chiếm 1,89%/tổng dư nợ.

2. Đầu tư phát triển

Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2023 tăng trưởng tích cực, ước tính đạt 8.356,58 tỷ đồng, tăng 25,01% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý 6 tháng đạt 38,02% kế hoạch và tăng 42,41% so với cùng kỳ năm 2022.

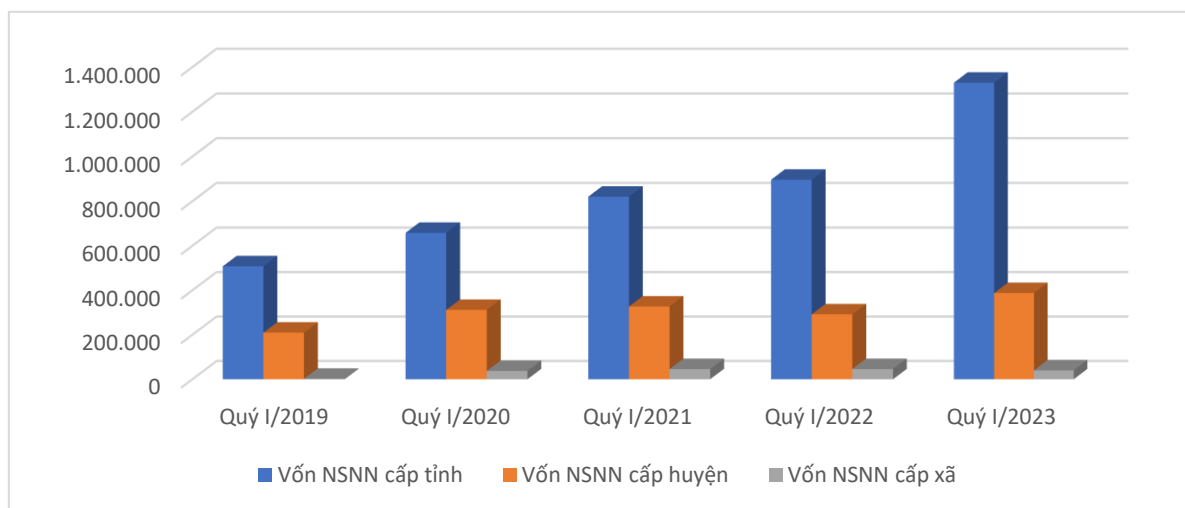
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 6/2023 ước đạt 399,73 tỷ đồng, tăng 19,42% so với tháng trước, tăng 63,31% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh

đạt 300,76 tỷ đồng, tăng 19,29% và 73,28%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 89,40 tỷ đồng, tăng 19,44% và 46,30%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 9,57 tỷ đồng, tăng 23,59% và giảm 5,11%.

Ước tính quý II năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 1.020,01 tỷ đồng, tăng 38,18% so với quý trước, tăng 53,26% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 769,27 tỷ đồng, tăng 37,10% và 61,84%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 226,88 tỷ đồng, tăng 41,28% và 38,53%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 23,86 tỷ đồng, tăng 45,91 và giảm 9,78%.

Ước tính 6 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 1.758,16 tỷ đồng, tăng 42,41% so với cùng kỳ năm trước, bằng 38,02% kế hoạch. Cụ thể: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 1.330,36 tỷ đồng, tăng 48,42%, bằng 37,88%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 387,48 tỷ đồng, tăng 32,69%, bằng 38,65%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 40,32 tỷ đồng, giảm 12,79%, bằng 36,65%.

Hình 3. Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện 6 tháng đầu năm các năm 2019-2023 (Tỷ đồng)



Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên tháng 6/2023 ước đạt 1.736,58 tỷ đồng, tăng 11,86% so với tháng trước, tăng 30,47% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Nhà nước trên địa bàn đạt 832,22 tỷ đồng, tăng 15,33% và 34,69% (vốn Trung ương quản lý đạt 382,12 tỷ đồng, tăng 12,58% và 14,03%; vốn địa phương quản lý đạt 450,10 tỷ đồng, tăng 17,76% và 59,18%); vốn ngoài Nhà nước đạt 904,36 tỷ đồng, tăng 8,85% và 26,81%.

Trong quý II năm 2023, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 4.663,13 tỷ đồng, tăng 26,25% so với quý trước, tăng 26,98% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước đạt 1.835,13 tỷ đồng, tăng 30,88% và tăng 44,45%; vốn đầu tư của dân cư và tư nhân đạt 2.485,69 tỷ đồng, tăng 31,18% và tăng 26,16%.

Ước tính 6 tháng năm 2023, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 8.356,58 tỷ đồng, tăng 25,01% so với cùng kỳ năm trước, bằng 41,49% kế hoạch. Cụ thể: Vốn Nhà nước trên địa bàn đạt 3.830,42 tỷ đồng, tăng 22,15%, bằng 40,71% (vốn Trung ương quản lý đạt 1.835,63 tỷ đồng, tăng 7,46%, bằng 43,17%; vốn địa phương quản lý đạt 1.994,79 tỷ đồng, tăng 39,73%, bằng 38,68%); vốn ngoài Nhà nước đạt 4.526,16 tỷ đồng, tăng 27,54%, bằng 42,18%.

3. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Thu ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2023 ước tăng 1,59% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách Nhà nước ước tăng 22,16% so với cùng kỳ năm trước, đảm bảo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

a) Thu ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 6 năm 2023 ước đạt 167,37 tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm đạt 755,65 tỷ đồng, tăng 1,59% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- *Thu nội địa* tháng 6 năm 2023 ước đạt 155,88 tỷ đồng; lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 728,94 tỷ đồng (chiếm 96,46%), tăng 6,53% so với cùng kỳ năm trước (một số khoản thu chiếm tỷ trọng lớn tăng cao như: Thu từ doanh nghiệp nhà nước tăng 11,87%; thu khác ngân sách tăng 41,19%).

- *Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu* tháng 6 ước đạt 2,49 tỷ đồng; lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 15,41 tỷ đồng (chiếm 1,68%), giảm 17,5% so với cùng kỳ năm trước.

b) Chi ngân sách Nhà nước

Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 6 năm 2023 ước đạt 1.401,89 tỷ đồng; lũy kế 6 tháng đầu năm ước đạt 7.151,46 tỷ đồng, tăng 22,16% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 2.766,95 tỷ đồng, chiếm 38,69%, tăng 70,48%; chi thường xuyên đạt 4.378,43 tỷ đồng, chiếm 61,22%, tăng 4,08%.

4. Hoạt động xuất - nhập khẩu

Tình hình hoạt động xuất nhập khẩu, dịch vụ và hoạt động trao đổi thương mại biên giới 6 tháng đầu năm 2023 đã dần đi vào ổn định sau 3 năm bị hạn chế do dịch Covid 19. Cửa khẩu quốc gia Huổi Puốc cũng bắt đầu hoạt động thông quan, cửa khẩu phụ, lối mở biên giới với Lào đã được hoạt động trao đổi cư dân biên giới trở lại. Không có tình trạng ùn tắc hàng hóa tại các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh.

Dự ước tổng kim ngạch XNK đạt 47 triệu USD, tăng 4,86% so với cùng kỳ năm trước; đạt 39,17% so với kế hoạch năm 2023, trong đó: Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 36 triệu USD, tăng 11,59% so với cùng kỳ năm

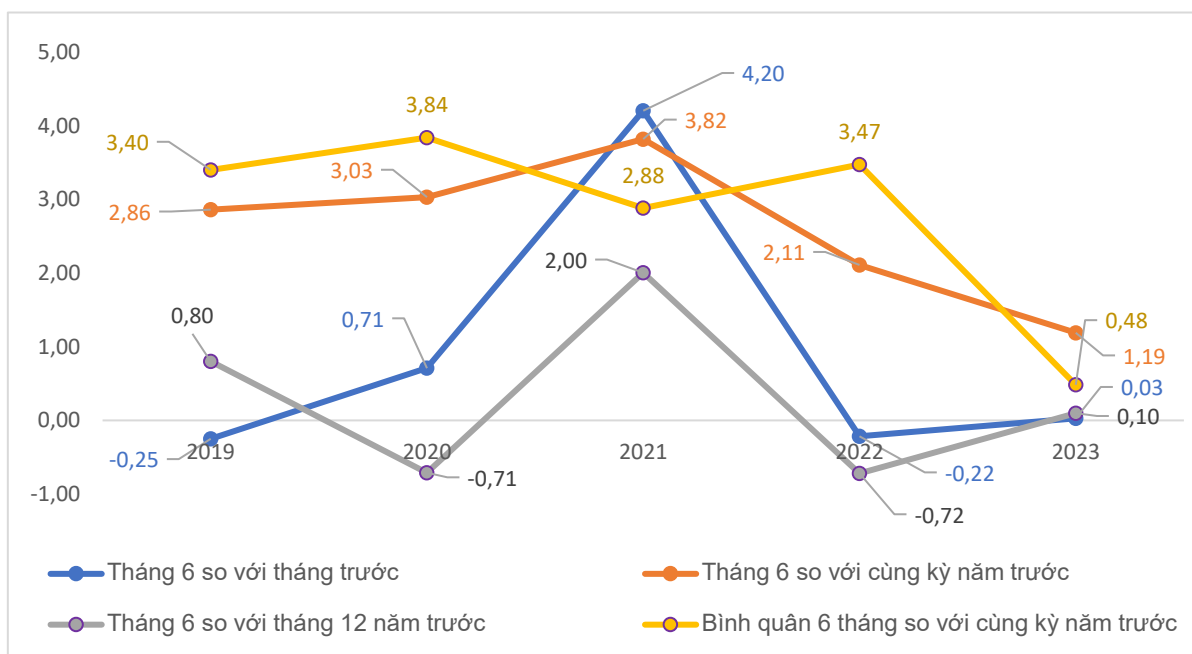
trước, đạt 45% so với kế hoạch năm 2023. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là hàng nông sản, hàng hóa tiêu dùng trong nước và vật liệu xây dựng (sắt thép xây dựng...). Kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 11 triệu USD, giảm 13,42% so với 6 tháng đầu năm 2022, đạt 27,5% so với kế hoạch năm. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong quý qua cửa khẩu quốc tế Tây Trang là hàng nông lâm thổ sản, máy móc thiết bị phục vụ thủy điện.

5. Giá cả

a) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2023 tăng 0,03% so với tháng trước, tăng 0,1% so với tháng 12/2022, so với cùng kỳ năm trước tăng 1,19% và so kỳ gốc năm 2019 tăng 9,06%. Bình quân quý II/2023 CPI tăng 0,99% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 6 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 0,48% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 4. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 6, và 6 tháng các năm 2019-2023 (%)



Trong mức tăng 0,03% của CPI tháng 6/2023 so với tháng trước có 6 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, 2 nhóm có chỉ số bình ổn và 3 nhóm hàng hóa có chỉ số giá giảm.

(1) Sáu nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng gồm: *Nhóm đồ uống thuốc lá* tăng 0,21%; *Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép* tăng 0,21%; *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 0,28%; *Nhóm Giao thông* tăng 0,17%; *Nhóm Văn hóa, giải trí và du lịch* tăng 0,09%; *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* tăng 0,05%.

(2) Ba nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm: *Nhóm hàng ăn và*

dịch vụ ăn uống giảm 0,08%; Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,03%; Nhóm giáo dục giảm 0,04%

(3) Hai nhóm có chỉ số giá ổn định so với tháng trước gồm: Nhóm thuốc và dịch vụ y tế và Nhóm bưu chính viễn thông.

CPI bình quân quý II/2023 tăng 0,99% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Giáo dục tăng 80,17%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 6,43%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,79%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,19%; đồ uống thuốc lá tăng 0,85%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,48%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,12%. Có 4 nhóm có chỉ số giá giảm so với cùng kỳ năm trước là: Nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 4,41%; giao thông giảm 11,08%; bưu chính viễn thông giảm 0,13%; hàng hóa và dịch vụ khác giảm 12,14%.

CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2023 tăng 0,48% so với bình quân cùng kỳ năm 2022. CPI bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

(1). Tết Nguyên đán diễn ra vào tháng 01, nhu cầu tiêu thụ lớn về các mặt hàng, cộng thêm những trận mưa đá trong tháng 3 làm cho một số loại cây rau giống hỏng làm người dân phải gieo trồng đợt mới dẫn tới chỉ số giá các nhóm này tăng;

(2). 6 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh diễn ra nhiều các hoạt động, lễ hội, các kỳ nghỉ lễ diễn ra dài ngày nhu cầu đi chơi, du lịch của người dân tăng cộng thêm các mặt hàng thức phẩm tăng đã tác động làm chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình, nhóm văn hóa, giải trí và du lịch 6 tháng đầu năm 2023 tăng;

(3). Giá các loại quần áo may sẵn, thiết bị và đồ dùng trong gia đình tăng cao trong dịp cuối năm và giáp Tết. Cùng với đó thời tiết trong quý 2 dần nóng lên dẫn tới nhu cầu sử dụng các thiết bị điện như điều hòa, tủ lạnh, quạt điện...cũng tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước;

(4). Ngày 04/5/2023 Tập đoàn Điện lực Việt Nam điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân;

(5). Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế 6 tháng đầu năm tăng 0,49% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân, giá thuốc tăng vào những tháng đầu năm và hạ nhiệt dần vào những tháng của quý II đã tác động làm chỉ số giá nhóm này tăng;

(6). Tiếp tục thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 09/2021/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Điện Biên quy định mức thu học phí năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên, đã làm cho chỉ số giá nhóm dịch vụ giáo dục tăng;

Bên cạnh đó, có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI 6 tháng đầu năm 2023:

(1). Giá các mặt hàng trong nhóm lương thực giảm do một lượng lớn gạo được các tiểu thương nhập từ dưới xuôi hoặc bên Lào về nhiều đã tác động làm giảm giá các mặt hàng gạo;

(2). Giá sắt thép giảm; Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam có 17 đợt điều chỉnh giá bán lẻ dầu (05 đợt tăng giá, 12 đợt giảm giá) với việc điều chỉnh giá dầu dẫn tới chỉ số giá nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD giảm;

(3). Tập đoàn xăng dầu Việt Nam có 14 đợt điều chỉnh giá bán lẻ xăng (08 đợt tăng giá, 06 đợt giảm giá) dẫn tới chỉ số giá nhóm giao thông giảm;

(4). Các hãng điện thoại liên tục tung ra nhiều đợt khuyến mại giảm giá bán, giá mặt hàng điện thoại thông minh 6 tháng đầu năm 2023 giảm so với cùng kỳ.

*** Chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ**

Chỉ số giá vàng tháng 6 giảm 0,09% so với tháng trước, giảm 3,15% so với cùng kỳ năm trước, tăng 72,56% so với kỳ gốc 2019; bình quân quý II năm 2023 giảm 2,83%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 tăng 0,99% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6 tăng 0,12% so với tháng trước, tăng 1,28% so với cùng kỳ năm trước, tăng 1,24% so với kỳ gốc 2019; bình quân quý II năm 2023 tăng 1,96%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 tăng 2,78% so với cùng kỳ năm trước.

b) Chỉ số giá sản xuất

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản quý II/2023 Chỉ số giá sản xuất hàng nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên quý II năm 2023 tăng 0,2% so với quý trước, tăng 0,91% so với cùng quý năm trước.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý II/2023 giảm 0,12% so với quý trước, trong đó: 01 nhóm có chỉ số tăng là sản phẩm khai khoáng tăng 0,05%, 3 nhóm còn lại có chỉ số giảm: Nhóm sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,08%; nhóm điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 0,42%; nhóm Nước tự nhiên khai thác; dịch vụ quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 0,16%.

Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất quý II/2023 tăng 0,02% so với quý trước, giảm 2,94% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chỉ số giá nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất quý II tăng so với quý trước là (1) giá sắt thép xây dựng tăng do tác động của thị trường sắt thép thế giới tăng, nguyên vật liệu chính cho sản xuất thép như quặng sắt, than mỡ, thép phế liệu, cuộn cán nóng, (2) trong quý Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đã điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu 10 lần (5 lần tăng, 5 lần giảm), (3) trong quý là thời gian thu hoạch vụ mùa và chuẩn bị gieo trồng vụ đông xuân đã tác động làm nhóm dịch vụ trồng trọt và dịch vụ

sau thu hoạch tăng. Nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo giảm 0,24%; nhóm nguyên nhiên liệu chủ yếu dùng cho xây dựng giảm 0,85%, nhóm nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 2,36 %.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động, việc làm

Tình hình lao động tháng 6 đầu năm tăng so với cùng kỳ năm trước, các Doanh nghiệp có quy mô lớn đã sử dụng lao động ở mức nhiều hơn, nhu cầu tuyển dụng người lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tăng lên đáng kể, làm cho thị trường lao động và công tác đào tạo nghề đều tăng so với cùng kỳ năm trước, lực lượng lao động, số người đang làm việc tăng so với cùng kỳ năm trước. Giảm tỷ lệ thất nghiệp đối với thị trường lao động của tỉnh Điện Biên.

Lao động 15 tuổi trở lên có việc làm 6 tháng đầu năm 2023 ước tính 336.955 người, tăng 6,92% so cùng kỳ năm 2022, bao gồm 33.729 người đang làm việc ở khu vực kinh tế nhà nước chiếm 10,01% tổng số, tăng 6,59%; kinh tế ngoài nhà nước 303.226 người, chiếm 89,89%, tăng 6,96%.

Quý II năm 2023 toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho 3.630 lao động. Dự ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho 5.835 lao động, tăng 7,24 % so với cùng kỳ năm trước, đạt 64,12% kế hoạch. Bao gồm: Thông qua Quỹ quốc gia về việc làm 1.486 lao động; cung ứng lao động cho các doanh nghiệp ngoài tỉnh 2.239 lao động; xuất khẩu lao động 121 lao động; thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác và tự tạo việc làm 1.989 lao động.

Tuyển mới đào tạo nghề cho 4.680 người, chia theo cấp trình độ: trung cấp 70 người, sơ cấp 2.805 người, và đào tạo dưới 3 tháng 1.805 người (có 3.890 người được hỗ trợ học nghề ngắn hạn từ các chương trình, đề án); đạt 56,39% kế hoạch; tăng 40,92% so với cùng kỳ năm 2022.

2. Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội

a) Đời sống cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, người lao động

Đời sống cán bộ, công nhân viên chức và người lao động hưởng lương: Tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên 6 tháng đầu năm 2023, nhìn chung vẫn giữ được ổn định. Ước 6 tháng đầu năm 2023, thu nhập người lao động trong khu vực nhà nước đạt 8,01 triệu đồng/người/tháng, khu vực doanh nghiệp nhà nước là 6,820 triệu đồng/người/tháng, khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước đạt 1,79 triệu đồng/người/tháng.

Đời sống dân cư nông thôn: Sáu tháng đầu năm 2023, đời sống dân cư khu vực nông thôn chịu ảnh hưởng của dịch bệnh trong chăn nuôi và chịu ảnh hưởng của thiên tai. Tuy nhiên được sự quan tâm chỉ đạo hỗ trợ động viên kịp thời của các cấp chính quyền đã khắc phục nhanh những khó khăn đời sống dân cư ở khu

vực nông thôn đã được cải thiện so với năm trước. Chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác xây dựng nông thôn mới đã và đang phát huy tác dụng tích cực, cơ sở hạ tầng có bước phát triển, tạo điều kiện cho nhân dân khu vực nông thôn nâng cao mức sống, giúp cho tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn tỉnh được ổn định.

b) Công tác an sinh xã hội

Đối với người có công

Nhân dịp tết Nguyên đán Quý Mão đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho gia đình người có công và thân nhân 3.930 suất quà trị giá 1.572,9 triệu đồng. (UBND tỉnh đã thăm hỏi, tặng quà cho 55 người có công và thân nhân tiêu biểu trị giá 35,95 triệu đồng; trao 1.388 suất quà của Chủ tịch nước trị giá 420,9 triệu đồng; quà của các huyện, thị xã, thành phố 1.351 suất trị giá 605,45 triệu đồng; quà từ ngân sách cấp xã 600 suất trị giá 202,2 triệu đồng; quà của các tổ chức cá nhân 536 suất trị giá 308 triệu đồng).

Thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa đối với các đối tượng chính sách, người có công trong 6 tháng đầu năm 2023 tỉnh Điện Biên đã sửa chữa và xây mới 8 nhà tình thương; mái ấm công đoàn 5 nhà, trị giá 480 triệu đồng; đã xây dựng, sửa chữa và bàn giao 209 nhà đại đoàn kết trị giá 9.495 triệu đồng.

Bảo trợ xã hội

Toàn tỉnh đã thực hiện tiếp nhận hỗ trợ, tặng 47.525 suất quà tết hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng xã hội khác, kinh phí thực hiện bằng 18.230,79 triệu đồng (quà cho hộ nghèo và cận nghèo là 37.384 suất quà trị giá 14.057,5 triệu đồng¹³; quà cho các đối tượng bảo trợ xã hội là 438 suất quà trị giá 176 triệu đồng; quà cho người cao tuổi là 1.341 suất quà trị giá 915 triệu; quà cho các đối tượng trẻ em, người lao động và các đối tượng khác là 8.362 suất quà trị giá 3.082,2 triệu đồng).

Về cấp phát thẻ Bảo hiểm y tế tính đến ngày 15 tháng 6 đã phát miễn phí cho 439.700 thẻ (trẻ em dưới 6 tuổi 77.300 thẻ, bảo trợ xã hội và cựu chiến binh 7.193 thẻ, người nghèo 178.769 thẻ, cận nghèo là 5.180 thẻ và người dân tộc nằm trong vùng đặc biệt khó khăn là 171.258 thẻ).

c) Tình hình thiếu đói trong dân cư

Trong 6 tháng trên địa bàn tỉnh đã xảy ra tình trạng thiếu đói giáp hạt với 9.973 hộ (46.701 khẩu), so cùng kỳ năm trước số hộ thiếu đói giảm 21,73% (số khẩu thiếu đói giảm 21,08%). Số gạo các hộ đã được hỗ trợ thiếu đói dịp tết Nguyên đán là 313,4 tấn cho 4.744 hộ với 20.893 khẩu.

d) Công tác giảm nghèo

Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai công tác giảm nghèo, phê duyệt kết quả tổng

¹³ Cụ thể: Quà từ ngân sách huyện: 21.360 suất, bằng 5.271,28 triệu đồng; Quà từ ngân sách cấp xã: 680 suất, bằng 229 triệu đồng; Quà từ xã hội hóa: 24.258 suất, bằng 12.566,48 triệu đồng; Chúc thọ mừng thọ cho người cao tuổi: 1.227 suất, bằng 871 triệu đồng.

rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; tỷ lệ nghèo đa chiều trên địa bàn toàn tỉnh 39,98% tương ứng với 54.947 hộ, trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo 30,35% tương ứng với 41.706 hộ; tỷ lệ hộ cận nghèo 9,63% tương ứng với 13.241 hộ.

3. Giáo dục, đào tạo

Năm học 2022-2023, công tác giáo dục và đào tạo của tỉnh đã đạt những kết quả quan trọng: Quy mô, mạng lưới trường lớp được bố trí hợp lý; tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập¹⁴; cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, hiện đại. Tiếp tục chuẩn bị tốt các điều kiện cho việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở cả 03 cấp học¹⁵ đảm bảo đúng tiến độ, có chất lượng, đúng quy định và phù hợp điều kiện thực tế. Các chỉ tiêu huy động dân số trong độ tuổi đến trường cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch giao¹⁶. Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục duy trì vững chắc và từng bước nâng cao các chỉ số, tiêu chí đạt chuẩn theo quy định. Toàn tỉnh duy trì đạt chuẩn PCGD cho trẻ em 5 tuổi, PCGD tiểu học mức độ 2, PCGD THCS mức độ 2, Xóa mù chữ mức độ 2. Trong đó có 125/129 xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2 (đạt mục tiêu kế hoạch); 95/129 xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 (đạt mục tiêu kế hoạch).

Về cơ sở vật chất: Đảm bảo đáp ứng nhu cầu tối thiểu phục vụ dạy và học. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động tối đa các nguồn lực để đảm bảo các điều kiện thực hiện đổi mới chương trình và thay sách giáo khoa lớp 1,2,3 cấp Tiểu học; lớp 6,7 cấp THCS và lớp 10 cấp THPT năm học 2022-2023.

4. Y tế

a) Tình hình dịch bệnh và công tác phòng, chống dịch

Tình hình dịch bệnh

Tình hình dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được kiểm soát. Tính từ ngày 15/5/2023 đến 17h ngày 14/6/2023 trên địa bàn toàn tỉnh ghi nhận 240 bệnh nhân mắc COVID-19/tử vong 0. Luỹ tích từ ngày 01/01/2023 đến 16h ngày 14/4/2023, trên địa bàn toàn tỉnh ghi nhận 417 bệnh nhân mắc COVID-19/tử vong 0, đã điều trị khỏi và xuất viện 358 bệnh nhân, hiện đang điều trị 59 bệnh nhân mắc COVID-19.

¹⁴ Toàn ngành Giáo dục và Đào tạo hiện có 481 trường, trung tâm (168 trường mầm non, 295 trường phổ thông, 17 Trung tâm, 01 trường cao đẳng) với 7.401 lớp và 206.923 học sinh; so với năm học 2021-2022, giảm 01 trường).

¹⁵ Lớp 1,2 cấp tiểu học; lớp 6,7 cấp THCS; lớp 10 cấp THPT.

¹⁶ Tỷ lệ huy động trẻ từ 3 tháng đến dưới 36 tháng tuổi đến nhà trẻ đạt 46,7% (vượt kế hoạch giao 1,3%); 3-5 tuổi học mẫu giáo đạt 99,8% (vượt kế hoạch giao 0,2%); số trẻ 5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 99,9% (đạt kế hoạch giao); trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,97% (vượt kế hoạch giao 0,07%); trẻ 6-10 tuổi đi học tiểu học đạt 99,9% (đạt kế hoạch giao); trẻ 11 tuổi vào lớp 6 đạt 98,0% (vượt kế hoạch 0,03%); trẻ 11-14 tuổi học THCS đạt 97,3% (vượt kế hoạch 0,2%); trẻ 15 tuổi vào lớp 10 đạt 73,9% (chưa đạt kế hoạch giao -1,4%); trẻ 15-18 tuổi học THPT và tương đương đạt 72,1% (vượt kế hoạch giao 0,2%).

Ngành y tế tiếp tục tổ chức triển khai Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo Kế hoạch của UBND tỉnh. Kết quả: Lũy tích đến ngày 14/6/2023, tỷ lệ tiêm chủng từ 18 tuổi trở lên được tiêm: Mũi 1 đạt 99,4%; mũi 2 đạt 96,1%; nhắc lại lần 1 đạt 95,3%; nhắc lại lần 2 đạt 98,8%. Tỷ lệ tiêm chủng từ 12 đến dưới 18 tuổi được tiêm: mũi 1 đạt 98,6%, mũi 2 đạt 97,8%; mũi 3 đạt 91,9%. Tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi được tiêm: mũi 1 đạt 99,8%, mũi 2 đạt 92,4%.

Trong tháng, Trong tháng trên địa bàn toàn tỉnh xảy ra 03 ổ dịch Than với 13 ca mắc (tử vong 0 ca), đã điều trị khỏi 13/13 ca.

Tính từ 01/01/2023 ngày 14/6/2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 06 ổ dịch (Thủy đậu, dịch cúm A/H3, Bạch Hầu) với tổng số mắc 349 ca mắc (tử vong 01ca). Hiện đã điều trị khỏi 348 ca; các ổ dịch trên được điều tra, xác minh, chẩn đoán và triển khai các biện pháp xử lý kịp thời. 02 trường hợp sốt phát ban nghi Sởi, Tay - chân - miệng và đặc biệt là bệnh Đại mắc 06 ca/tử vong 6 ca.

Công tác phòng chống dịch COVID-19

Sở Y tế tiếp tục phối hợp với các ngành, các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai đầy đủ và có hiệu quả các hoạt động về phòng, chống dịch COVID-19 để thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về phòng, chống dịch COVID-19 theo tinh thần Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ.

b) Tình hình lây nhiễm HIV/AIDS

Tình hình nhiễm HIV/AIDS vẫn diễn biến phức tạp, tính đến 31/5/2023, có 120/129 xã, phường, thị trấn thuộc 10/10 huyện, thị xã, thành phố có người nhiễm HIV. Tổng số tích lũy toàn tỉnh có 7.728 ca nhiễm HIV (10 ca mắc mới được phát hiện trong tháng); tích lũy số ca AIDS là 5.501 (không có ca nhiễm HIV chuyển giai đoạn AIDS mới trong tháng); tử vong do AIDS lũy tích 4.109 ca (07 ca tử vong mới trong tháng). Tổng số ca nhiễm HIV quản lý được là 3.390 chiếm 93,6% người nhiễm HIV trên địa bàn. Tỷ lệ nhiễm HIV còn sống/dân số 0,52%.

c) Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm

Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị tăng cường công tác truyền thông, kiểm tra, giám sát VSATTP tại các cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống trên địa bàn toàn tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm 2023, thành lập 130 đoàn kiểm tra liên ngành ATTP, đã kiểm tra được 1.888 cơ sở, trong đó: có 1.883 cơ sở đảm bảo ATTP (chiếm 99,7%); 05 cơ sở không đạt yêu cầu (chiếm 0,3%); cấp Giấy chứng nhận hoặc ký cam kết đảm bảo ATTP trên địa bàn toàn tỉnh đạt 96,2%. Trong đó: Tuyến tỉnh 100%; Tuyến huyện 99,6%; Tuyến xã 92,7%.

Trong 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm với 03 ca mắc (01 ca tử vong). Nguyên nhân: do ngộ độc rượu.

5. Hoạt động văn hóa, thông tin, Thể dục thể thao và du lịch

a) Hoạt động quản lý Nhà nước và văn hóa, văn nghệ

Công tác tuyên truyền: Công tác tuyên truyền, cổ động các hoạt động, sự kiện của tỉnh, của đất nước được thực hiện tập trung ở khu vực trung tâm các huyện, thị xã, thành phố và ở các đơn vị cơ sở bằng nhiều hình thức phong phú: Các đội tuyên truyền lưu động toàn tỉnh đã thực hiện 450 buổi hoạt động tuyên truyền; căng treo trên 7,6 nghìn băng, cờ, khẩu hiệu; sáng tác 05 tranh mẫu, xuất bản 3/600 cuốn văn hóa, thể thao, du lịch gửi cơ sở tuyên truyền; dựng 32 phim phóng sự, thay mới 53 pa nô và dựng các cụm cổ động tuyên truyền trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ. Tổ chức thành công Hội thi Tuyên truyền lưu động tỉnh Điện Biên lần thứ XVIII, năm 2023.

Hoạt động văn nghệ quần chúng: Tổ chức thành công Lễ hội Hoa Ban năm 2023 và Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch các dân tộc tỉnh Điện Biên lần thứ VII. Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh tổ chức 26 hoạt động văn hóa, văn nghệ đạt 216,7% kế hoạch năm; tổ chức 27 buổi văn nghệ tại Sân hành lễ Tượng đài Chiến thắng Điện Biên Phủ; duy trì hoạt động của 11 câu lạc bộ do đơn vị thành lập. Các đội văn nghệ quần chúng trên địa bàn tỉnh dự ước tổ chức 1.325 buổi biểu diễn, thu hút 180 nghìn lượt người xem.

Hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp: Đoàn nghệ thuật tổ chức dàn dựng, tập luyện 03 chương trình nghệ thuật và biểu diễn 81 chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Trong đó tiêu biểu là chương trình nghệ thuật mừng Xuân Quý Mão năm 2023; chào mừng kỷ niệm 69 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ.

Hoạt động phát hành phim và chiếu bóng, phát hành sách: Tổ chức chiếu phim lưu động vùng cao: 720 buổi; chiếu phim tại Rạp: 76 buổi; chiếu phim phục vụ chính trị 38 buổi. Thực hiện dịch, lồng tiếng 03 phim bằng tiếng dân tộc Thái, Mông. Duy trì 19 cơ sở phát hành và phát hành được trên 10,5 nghìn bản sách.

Hoạt động hệ thống Thư viện: Hệ thống thư viện nhập bổ sung 6.678 bản sách nâng số sách có đến cuối kỳ báo cáo là 224.877 bản; cấp trên 3,6 nghìn thẻ cho độc giả; phục vụ trên 188,8 nghìn lượt đọc giả; có trên 411,6 nghìn lượt tài nguyên thông tin được phục vụ.

Hoạt động phát huy giá trị di sản văn hóa: Trong tháng, hai bảo tàng và các điểm di tích đón 56.584 lượt khách đến tham quan, trong đó có 951 lượt khách nước ngoài. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023 đón 332.248 lượt khách tham quan, trong đó 4.270 lượt khách nước ngoài.

b) Hoạt động thể dục thể thao

Phong trào TDTT quần chúng: Tổ chức thành công Giải vô địch các Câu lạc bộ Dù lượn Quốc gia lần thứ III năm 2023 tại thị xã Mường Lay với sự tham gia của 54 phi công đến từ 09 Câu lạc bộ dù lượn trên toàn quốc.

Phong trào TDTT quần chúng tiếp tục được duy trì và phát triển trên địa bàn tỉnh; cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Tính đến tháng 6/2023, toàn tỉnh có tỷ lệ số người tập luyện TDTT thường xuyên đạt 32,5% trên tổng số dân toàn tỉnh; tỷ lệ hộ gia đình thể thao đạt 21,5% trên tổng số hộ gia đình toàn tỉnh; có 425 câu lạc bộ thể thao cơ sở.

Thể thao thành tích cao: Phối hợp tổ chức thành công 03 giải thể thao khu vực và toàn quốc (Giải vô địch các Câu lạc bộ Dù lượn Quốc gia lần thứ III năm 2023; Giải Vô địch Karate Miền Bắc lần thứ III; Giải Cầu lông Câu lạc bộ các tỉnh, thành, ngành toàn quốc tranh Cúp Thành Công); duy trì công tác huấn luyện, đào tạo 12 vận động viên thể thao thành tích cao; thành lập đoàn vận động viên, huấn luyện viên tham gia 08 giải thi đấu khu vực và toàn quốc đạt 40 huy chương các loại, trong đó có 31 huy chương từ các giải thể thao thành tích cao; có 01 vận động viên tham gia đội tuyển Quốc gia Việt Nam, dự giải Vô địch Karate Đông Nam Á tại Philippin đạt 01 HCV, 01 HCB; tham gia Seagame 32 tại Campuchia đạt 01 HCV.

c) Lĩnh vực du lịch

Ngành Văn hóa Thể thao và Du lịch đã tổ chức Hội nghị gặp mặt các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh du lịch; tổ chức hoạt động trưng bày giới thiệu quảng bá sản phẩm văn hoá du lịch trong khuôn khổ Lễ hội hoa ban; tổ chức Cuộc thi ẩm thực “Hương sắc Điện Biên” năm 2023; Thiết kế, lắp đặt sơ đồ bố trí các hoạt động, công, gian hàng trưng bày; sản xuất ấn phẩm phục vụ công tác quảng bá, xúc tiến du lịch¹⁷; thiết kế, thay 06 pano giới thiệu du lịch Điện Biên. Tham gia quảng bá, xúc tiến du lịch tỉnh Điện Biên tại các tỉnh, thành phố và các sự kiện chính trị¹⁸.

Dự ước tháng 6 đón khoảng 55,06 ngàn lượt khách du lịch, trong đó khách quốc tế đạt 503 lượt, tổng doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 95,52 tỷ đồng. Tính chung 6 tháng năm 2023 lượng khách du lịch đạt 625,98 ngàn lượt. Trong đó: khách quốc tế đạt 4.853 lượt. Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch đạt 1.095,4 tỷ đồng, tăng 2,13 lần so cùng kỳ năm trước.

6. Tai nạn giao thông, cháy nổ, vi phạm môi trường

a) Tai nạn giao thông

Từ 15/4/2023 đến 14/5/2023, trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh không xảy ra tai nạn giao thông. Lũy kế từ 15/11/2022 đến 14/5/2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã xảy 8 vụ tai nạn và va chạm giao thông, làm 7 người chết, 7 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước số vụ tai nạn giảm 42,86%, số người chết giảm 53,33%, số người bị thương tăng 40%. Nguyên nhân do người điều khiển phương

¹⁷ Sản xuất 1.000 tờ rơi, 50 phướn, standee phục vụ tuyên truyền Lễ hội, Ngày hội; thực hiện sản xuất 03 video quảng bá du lịch, 1.000 Tập gấp giới thiệu một số chương trình du lịch tiêu biểu trên địa bàn tỉnh (tiếng Việt); 1.000 cuốn Cẩm nang du lịch Điện Biên (tiếng Việt); 1.000 Bản đồ du lịch Điện Biên (Tiếng Anh); 2.000 Tập gấp hành trình khám phá Luang Prabang-Oudomsay-Điện Biên-Sapa-Hà Nội (tiếng Việt, tiếng Anh).

¹⁸ Tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch tại Festival Tinh hoa Tây Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hội chợ du lịch quốc tế Việt Nam - VITM tại Hà Nội; Hội chợ Du lịch Tây Bắc và Tuần Văn hóa - Du lịch Đất Tổ tại Phú Thọ; Tuần văn hóa du lịch tại Sơn La; Lễ hội truyền đuôi Én tại thị xã Mường Lay; Chuẩn bị các tài liệu, ấn phẩm du lịch Điện Biên phục vụ trưng bày Hội nghị các địa phương với Pháp tại Hà Nội.

tiện giao thông không chú ý quan sát, người đi bộ không đi sát lề đường bên phải; người điều khiển xe ô tô không đi đúng làn đường quy định; vượt sai quy định và sử dụng rượu, bia, chất kích thích có cồn.

b) Cháy nổ

Từ 15/4/2023 đến 14/5/2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy nhà, gây thiệt hại về tài sản khoảng 60 triệu đồng, không có thiệt hại về người. Nguyên nhân gây ra vụ cháy do sự cố thiết bị điện. Luỹ kế từ 15/11/2022 đến 14/5/2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên xảy ra 11 vụ cháy nhà ở riêng lẻ và phương tiện giao thông, cháy lán nương, thảm thực vật làm 01 người chết và 02 người bị thương, ước tính thiệt hại khoảng 3,54 tỷ đồng.

c) Tình hình vi phạm môi trường

Trong tháng 6/2023, cơ quan chức năng đã phát hiện 42 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 40 vụ với tổng số tiền phạt 308,76 triệu đồng. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 đã phát hiện 271 vụ vi phạm môi trường, tăng 9,27%, so cùng kỳ năm trước, trong đó xử lý 162 vụ, giảm 19% với tổng số tiền phạt 1.151,61 triệu đồng, tăng 71,45%. Các vụ vi phạm môi trường chủ yếu là phá rừng làm nương, tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản trái pháp luật.

7. Tình hình thiệt hại do thiên tai

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 đợt dông sét, lốc, vào ngày 06/6 và 01 đợt mưa lớn, từ ngày 08/6 đến ngày 09/6 đã làm 02 người bị chết (01 người bị sét đánh, 01 người bị lũ cuốn trôi), làm 569 ngôi nhà bị sạt lở; 05 ha hoa màu bị thiệt hại; 40m chiều dài đường giao thông bị sạt lở. Ước giá trị thiệt hại khoảng 80 triệu đồng.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 thiên tai đã làm 736 ngôi nhà bị thiệt hại; 112,5 ha lúa và 908,1 ha hoa màu bị thiệt hại; 01 con gia súc, 1.533 con gia cầm bị chết và cuốn trôi. Ước tính tổng giá trị thiệt hại là 11,89 tỷ đồng, giảm 75,33% bằng 36,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022.

Khái quát lại, kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên 6 tháng đầu năm 2023 tương đối ổn định, nhờ có sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh; sự vào cuộc quyết tâm của các Sở, ban ngành tỉnh; sự cố gắng của vươn lên của cộng đồng doanh nghiệp và sự ủng hộ của nhân dân. Tuy nhiên, sản xuất kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến phức tạp, thất thường rét đậm, rét hại giai đoạn đầu vụ và việc khô hạn, thiếu nước ở một số nơi đã ảnh hưởng đến sinh trưởng phát triển của cây lúa, chăn nuôi vẫn ảnh hưởng của dịch bệnh; tình trạng dông lốc, mưa đá, mưa lớn kéo dài tại một số địa phương đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiến độ thi công xây dựng các công trình. Thời tiết khô hanh kéo dài trùng với thời gian người dân đốt dọn nương đã làm tăng số vụ cháy rừng, đồng thời khói đốt nương gây cản trở tầm nhìn, gián đoạn các chuyến bay đi, đến trên địa bàn tỉnh; sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn đang gặp khó khăn, khả năng tiếp cận vốn khó.... Để hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong thời gian tới, các cấp, các ngành, các địa phương cần tập trung vào một số vấn đề trọng tâm sau đây:

- Kịp thời thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng đúng quy định của Chính phủ và Ngân hàng Trung ương. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid; đảm bảo cân đối để đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

- Tập trung rà soát đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư, giao đất, cho thuê đất; rà soát, điều chỉnh bổ sung danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư cho phù hợp với thực tế với những cơ chế thông thoáng, tạo điều kiện tối đa nhất để thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là các tập đoàn lớn đầu tư vào địa bàn.

- Triển khai thực hiện các kế hoạch đề án phát triển sản xuất phát triển nông, lâm nghiệp¹⁹ chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác theo kế hoạch, đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo chuỗi liên kết bảo đảm chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Thực hiện hiệu quả công tác phòng chống dịch hại trên cây trồng vật nuôi đặc biệt là Dịch tả lợn Châu Phi, dịch cúm gia cầm, đôn đốc các địa phương chuẩn bị đủ cây giống, hiện trường để trồng rừng theo kế hoạch năm 2023, thực hiện các biện pháp PCCCR, bố trí lực lượng thường trực tại các vùng rừng có nguy cơ cháy cao. Đẩy nhanh tiến độ phát triển các dự án trồng Mắc ca, sản xuất nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn.

- Triển khai tăng cường quản lý thị trường giá cả, trong đó cần kiểm soát chặt giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống. Chủ động ứng phó trước những biến động của thị trường. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về đăng ký, kê khai, niêm yết giá. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp đầu cơ, găm hàng, thao túng thị trường, tăng giá bất hợp lý, buôn lậu qua biên giới.

- Khuyến khích nhu cầu tiêu dùng trong nước, trong tỉnh, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa trong nước, trong tỉnh đối với hàng nhập khẩu, góp phần duy trì tăng trưởng công nghiệp chế biến, chế tạo. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tăng cường xuất khẩu thông qua việc chuẩn bị các nguồn hàng đảm bảo yêu cầu về chất lượng, mẫu mã, vệ sinh an toàn thực phẩm để xuất sang các thị trường đã ký kết Hiệp định thương mại tự do. Kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, nhất là nhập khẩu

¹⁹ Đề án phát triển bền vững chăn nuôi gia súc ăn cỏ (trâu, bò, dê) theo chuỗi giá trị gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển cây ăn quả lợi thế, đặc sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, bền vững trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển kinh tế lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Điện Biên; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Điện Biên; Đề án “Bảo tồn, phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với sản phẩm OCOP và du lịch nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn năm 2021-2025, định hướng phát triển 2030.

tiểu ngạch và các hoạt động tạm nhập, tái xuất hàng nông sản. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng nhái, hàng giả, kém chất lượng để bảo vệ sản xuất trong nước nói chung, trong tỉnh nói riêng và quyền lợi của người tiêu dùng. Xây dựng lộ trình và phạm vi điều chỉnh giá các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý giá, bảo đảm không ảnh hưởng lớn đến mặt bằng giá và phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2023.

- Thực hiện rà soát tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét điều hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án chậm tiến độ, các dự án hết nhu cầu giải ngân, chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm đời sống dân cư. Thực hiện có hiệu quả cao chính sách ưu đãi tín dụng để có nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn được vay vốn; đồng thời tổ chức định hướng giúp đỡ các hộ gia đình sử dụng vốn vay đúng mục đích và hướng dẫn cách làm ăn, phát triển sản xuất, tạo việc làm, ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo nhanh và bền vững. Tập trung quan tâm các xã, thôn bản khó khăn. Triển khai các hoạt động giám sát trong thực hiện chương trình giảm nghèo và thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ cho người nghèo.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Chủ động phòng ngừa và xây dựng kế hoạch phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai nhằm ổn định sản xuất và đời sống.

Trên đây là một số nét chủ yếu về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên tháng 6 và quý II và 6 tháng đầu năm 2023./.

Nơi nhận:

- Vụ TKTH & PBTTC;
- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP HĐND, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo CTK;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Xuân Thọ